

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031; UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Tỉnh Gia Lai có tổng diện tích tự nhiên 21.576,53 km², với 134 km đường bờ biển, 80,485 km đường biên giới tiếp giáp với các tỉnh Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Vương quốc Cam-pu-chia và Biên Đông. Tỉnh có 135 đơn vị hành chính cấp xã (110 xã, 25 phường); có 47 thành phần dân tộc¹, dân số khoảng 3.417.368 người², trong đó dân tộc thiểu số 819.388 người, chiếm khoảng 23,98% dân số toàn tỉnh (Jrai 14,98%, Bahnar 6,87%, Nùng 0,42%, các dân tộc thiểu số khác chiếm 1,71%), các dân tộc thiểu số cư trú đều khắp các địa bàn trong tỉnh; mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội riêng rất phong phú, đa dạng, tạo nên tính thống nhất trong nền văn hóa tại địa phương. Theo kết quả phân định khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh có 93 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó số xã khu vực I: 07 xã, xã khu vực II: 13 xã, xã khu vực III: 73 xã và 608 thôn, làng đặc biệt khó khăn. Theo kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2025, toàn tỉnh có 18.567 hộ nghèo, chiếm 2,18% tổng số hộ dân. Trong đó, hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số có 15.179 hộ, chiếm 8,37% tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số toàn tỉnh; Số hộ cận nghèo là 38.967 hộ, chiếm 4,57% tổng số hộ dân; trong đó, hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số có 26.687 hộ, chiếm 14,71% tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số toàn tỉnh.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Đánh giá kết quả, giải pháp tham mưu chỉ đạo, điều hành

Trong thời gian qua, công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát và quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026- 2035, giai đoạn I: Từ năm

¹ Theo niên giám thống kê điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số công bố ngày 01/4/2019.

² Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh.

2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh ban hành và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ các văn bản pháp lý về chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện, phân bổ vốn; quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh; quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ;... để các đơn vị, địa phương được giao vốn có cơ sở triển khai thực hiện.

Cùng với đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương tăng cường quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác dân tộc; chủ động nắm bắt tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có tôn giáo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, góp phần bảo đảm các chính sách được triển khai đúng mục tiêu, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh

- Hoàn thành Đề án sắp xếp Sở Dân tộc và Tôn giáo: Số biên chế có mặt đến ngày 31/5/2026: 36 công chức và 06 hợp đồng lao động, trong đó: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 03 Trưởng phòng, 06 phó Trưởng phòng, có 03 phòng chuyên môn (*Văn phòng Sở 12 biên chế, Phòng Dân tộc 12 biên chế, Phòng Tôn giáo 09 biên chế*) và 06 hợp đồng lao động (*gồm 03 nhân viên lái xe, 01 nhân viên tạp vụ, 02 nhân viên bảo vệ*);

- Tổ chức rà soát, phân định khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ; đồng thời ban hành Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030. Đây là cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

*** Tổng kế hoạch vốn năm 2026: 358.606 triệu đồng, gồm:**

- Vốn đầu tư phát triển: 82.226 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 276.380 triệu đồng.

*** Kết quả giải ngân đến 20/5/2026 là: 30.555 triệu đồng; đạt tỷ lệ 8,52% so với kế hoạch; trong đó:**

- Vốn đầu tư phát triển: 24.659 triệu đồng; đạt tỷ lệ 29,99%;
- Vốn sự nghiệp: 5.896 triệu đồng; đạt tỷ lệ 2,13%.

(Có các Phụ lục I và II kèm theo)

*** Kết quả cụ thể:**

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt với tổng số vốn là 5.690 triệu đồng (NSTW: 2.807 triệu đồng, NSDP: 2.883 triệu đồng); đến nay các địa phương đang triển khai;
- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết với tổng số vốn là 21.137 triệu đồng (NSTW: 7.006 triệu đồng, NSDP: 14.131 triệu đồng); đến nay đã giải ngân 4.411 triệu đồng (NSTW: 1.835 triệu đồng, NSDP: 2.576 triệu đồng);
- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị với tổng số vốn là 25.567 triệu đồng (NSTW: 23.961 triệu đồng, NSDP: 1.606 triệu đồng); đến nay đã giải ngân 3,27 triệu đồng (NSTW);
- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi với tổng số vốn là 272.513 triệu đồng (NSTW: 257.148 triệu đồng, NSDP: 15.365 triệu đồng), đến nay đã giải ngân 24.455 triệu đồng (NSTW: 24.010 triệu đồng, NSDP: 445 triệu đồng);
- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với tổng số vốn là 17.931 triệu đồng (NSTW: 16.549 triệu đồng, NSDP: 1.382 triệu đồng); đến nay đã giải ngân 861 triệu đồng (NSTW);
- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch với tổng số vốn là 10.073 triệu đồng (NSTW: 7.268 triệu đồng, NSDP: 2.805 triệu đồng); đến nay đã giải ngân 550 triệu đồng (NSTW);
- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em với tổng số vốn là 506 triệu đồng (NSTW: 462 triệu đồng, NSDP: 44 triệu đồng); đến nay các địa phương đang triển khai;
- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn với tổng số vốn là 1.577 triệu đồng (NSTW: 1.561 triệu đồng, NSDP: 16 triệu đồng); đến nay các địa phương đang triển khai;
- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình³ với tổng số vốn là 3.612 triệu đồng (NSTW: 3.543 triệu đồng, NSDP: 69 triệu đồng), đến nay đã giải ngân 274 triệu đồng (NSTW).

³ Sở Dân tộc và Tôn giáo đã phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tổ chức 11 lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng với khoảng 946 người tham gia; lắp đặt 04 cụm pano tuyên truyền tại 02 xã Hra, Ayun,...

2. Kết quả thực hiện chính sách cho người có uy tín

- Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS: Dự toán sử dụng trong năm 2026 là 3.267 triệu đồng, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã phối hợp với các địa phương tổ chức tiếp đón các đoàn đến giao lưu học tập, tổ chức đưa 02 đoàn người có uy tín đi làm việc, học hỏi kinh nghiệm, tổ chức tặng quà Tết cho người có uy tín trong đồng bào DTTS, với kinh phí 1.276 triệu đồng, đạt 39% kế hoạch;

- Thực hiện Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, mức hỗ trợ là 500.000 đồng/người/tháng, hiện nay các địa phương đang triển khai hỗ trợ cho người có uy tín đảm bảo đúng quy định.

3. Các công tác khác

- Tổ chức Tọa đàm kỷ niệm 80 năm Ngày Bác Hồ gửi thư cho Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku và gặp mặt biểu dương Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (19/4/1946 - 19/4/2026);

- Tổ chức Kỷ niệm 80 năm Ngày Truyền thống cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc (03/5/1946 - 03/5/2026), góp phần giáo dục truyền thống, khẳng định vai trò công tác dân tộc trong giai đoạn mới;

- Tổ chức các đoàn công tác thăm, chúc Tết người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, với suất quà 500.000 đồng/người, tổng số 1.091 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, với kinh phí 545,5 triệu đồng. Thăm, tặng quà đối với 1.113 thôn (làng) dân tộc thiểu số, trị giá 5 triệu đồng/thôn, với kinh phí 5.565 triệu đồng; thăm, tặng quà đối với 73 xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và xã đảo Nhơn Châu, trị giá 10 triệu đồng/xã, với kinh phí 740 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh;

- Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 07/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương, đơn vị với các thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; trong năm 2025, UBND tỉnh ban hành kế hoạch và phân công các cơ quan, đơn vị kết nghĩa với các thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số⁴. Đến nay, các đơn vị đã xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kết nghĩa trong năm 2025; có hơn 200 thôn/làng đã được tổ chức ký kết kết nghĩa và có 80 đơn vị báo cáo hoàn thành ký kết trong tháng 3/2026. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, chỉ đạo của UBND tỉnh đến tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị đồng thời cử cán bộ, công chức, viên chức làm đầu mối liên hệ, bám sát địa bàn, nắm bắt tâm tư, nguyện

⁴ Công văn số 7320/UBND-NC ngày 01/12/2025 về việc giới thiệu và phân công các cơ quan, đơn vị kết nghĩa với các thôn, làng vùng dân tộc thiểu số.

vọng của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số để tham mưu, đề xuất giải quyết kịp thời những bức xúc, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của người dân.

Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà chăm lo Tết cho người dân tại các thôn, làng kết nghĩa như Công an phường An Nhơn cùng Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Quy Nhơn đã tổ chức kết nghĩa với làng Canh Tiến, xã Canh Vinh đã trao tặng hơn 200 suất quà với tổng giá trị 140 triệu đồng. Công an xã Phù Mỹ Tây đã tổ chức kết nghĩa với Thôn 5, An Hòa tại lễ kết nghĩa đã trao tặng tổng kinh phí 84.750.000 đồng⁵,...; đa số các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch tổ chức thăm tết Nguyên Đán Bính Ngọ năm 2026 và các nội dung phong phú, đa dạng mang ý nghĩa phong phú.

IV ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương, Tỉnh ủy; sự giám sát của HĐND tỉnh; sự điều hành quyết liệt của UBND tỉnh cùng sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự đồng thuận của Nhân dân, công tác dân tộc và việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh đã đạt nhiều kết quả tích cực. Kết quả là, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục phát triển, kết cấu hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào không ngừng được nâng lên; tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm đáng kể. Năm 2025, toàn tỉnh có 23.262 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 12,95% tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số; đến nay giảm còn 15.179 hộ, chiếm 8,37%, giảm 8.083 hộ, tương ứng giảm 4,58%. Cùng với phát triển kinh tế, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được quan tâm bảo tồn và phát huy; khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, tăng cường. Hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được kiện toàn; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

⁵ Cụ thể: trao 65 suất, trị giá 81.250.000 đồng; tặng quà cho Ban Quản lý thôn: 06 suất, trị giá 3.000.000 đồng; tặng quà cho thanh niên trúng tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2026: 01 suất, trị giá 500.000 đồng. Đồng thời phối hợp với Câu lạc bộ Tình nguyện viên Chữ thập đỏ Bạch Mai Trang tổ chức “Phiên chợ 0 đồng”, trao 65 suất quà và nhu yếu phẩm cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thôn; tổng giá trị hỗ trợ khoảng 20.000.000 đồng. Công an xã Ya Hội đã tổ chức kết nghĩa với Làng Groi xã Ya Hội, đã trao 100 bao xi măng cho làng để làm đường Nội đồng của làng; tổ chức hoạt động giao lưu bóng chuyền, tạo sân chơi lành mạnh cho nhân dân trong làng. Trung tâm Y tế Quy Nhơn, Trung tâm Y tế Hoài Nhơn, Trung tâm Y tế Tuy Phước, Trung tâm Y tế Đức Cơ đã tổ chức kết nghĩa với các thôn/ làng được phân công, đồng thời tổ chức tư vấn, chăm sóc khám sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, cấp thuốc miễn phí cho người dân và trao quà Tết Bính Ngọ năm 2026 cho người dân trong thôn. UBND phường Quy Nhơn Nam phối hợp với Cty TNHH Giồng Gia Cẩm Minh Dư tổ chức kết nghĩa với làng Kà Bung, xã Canh Liên tại lễ kết nghĩa đã tặng quà cho 49 hộ dân của làng và hệ thống đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời, trị giá 60 triệu đồng. UBND phường Thống Nhất phối hợp với Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tổ chức kết nghĩa với làng Jar, xã Biên Hồ tại lễ kết nghĩa đã trao tặng 43 suất quà (trị giá 700 nghìn đồng/suất) cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình người có công cách mạng và người khuyết tật; đồng thời vận động Công ty TNHH Khoa học quốc tế Trường Sinh trao tặng 60 suất quà cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vượt khó học tốt (150 nghìn đồng/suất). Ngoài ra, Hội LHPN phường Thống Nhất phối hợp với Hội LHPN xã Biên Hồ tổ chức Gian hàng “0 đồng” (quần áo) cho bà con nhân dân làng Jar.

Thực tiễn triển khai cho thấy các chương trình, chính sách dân tộc và các chương trình mục tiêu quốc gia đã phát huy hiệu quả thiết thực, tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước đã góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước thay đổi diện mạo nông thôn, nhất là tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Đồng thời, nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến tích cực; tinh thần tự lực, tự cường trong phát triển kinh tế, học nghề, xây dựng nông thôn mới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng được nâng cao.

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành; tập trung dồn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn được giao; thực hiện điều chuyển kế hoạch vốn và kinh phí kéo dài theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư chủ động triển khai các nhiệm vụ, dự án.

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2026, tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố; niềm tin của đồng bào đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, điều hành của Nhà nước ngày càng được nâng cao. Các chương trình, chính sách dân tộc được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, góp phần cải thiện đời sống Nhân dân, giảm nghèo bền vững, giữ vững quốc phòng, an ninh và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Khó khăn, hạn chế

- Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai, thực hiện công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2026 cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc đó là: So với mặt bằng chung của tỉnh, vùng dân tộc, nhất là các xã, thôn, làng ở vùng đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn. Khoảng cách chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội và thụ hưởng các dịch vụ cơ bản giữa vùng dân tộc và đô thị còn khá lớn, hộ nghèo là người DTTS còn chiếm tỷ lệ khá cao so với hộ nghèo toàn tỉnh (81,75%); kết quả giảm nghèo chưa bền vững; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi làm đời sống một bộ phận người dân đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn; chất lượng giáo dục có mặt còn hạn chế; các dịch vụ y tế còn ở mức thấp so với các vùng, miền khác trong tỉnh. Tình hình tội phạm trong đồng bào DTTS còn diễn biến phức tạp, nhất là tội phạm về ma túy, tai nạn giao thông liên quan đến người đồng bào DTTS;

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 chuyển sang năm 2026 đến nay giải ngân còn thấp so với yêu cầu đề ra, cụ thể do một số khó khăn, vướng mắc như sau:

+ Ngay sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh đã phân giao kế hoạch vốn, dự toán năm 2025 cho các đơn vị xã, phường. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuyển giao, đồng thời có nhiều điều chỉnh về tổ chức bộ

máy từ cấp tỉnh đến cấp xã; nhiều cán bộ, công chức theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia của các huyện, xã, phường (trước sắp xếp) nghỉ hưu trước tuổi hoặc chuyên công tác dẫn đến các đơn vị còn lúng túng trong tổ chức thực hiện, xác định số vốn chuyển nguồn và báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân vốn. Do đó, công tác tổng hợp số liệu giải ngân nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; đặc biệt là đối với việc tổng hợp tình hình giải ngân dự toán, kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2026.

+ Một số nhiệm vụ, dự án mới được điều chỉnh nguồn vốn vào cuối năm 2025, chưa phát sinh khối lượng giải ngân, còn trong giai đoạn thủ tục chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ, dự án, tổ chức đấu thầu. Một số công trình đang thi công nhưng nhà thầu chưa hoàn thành việc lập khối lượng, hoàn thiện hồ sơ thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước.

- Hiện nay Thông tư hướng dẫn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 (Chương trình) của các bộ, ngành Trung ương chưa ban hành nên địa phương gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện. Nguồn vốn phân bổ của Chương trình đến nay chưa được phân bổ về cho tỉnh, nên gặp nhiều khó khăn để giải ngân hết nguồn vốn giao trong năm 2026.

- Ngoài ra, ở một số địa phương thực hiện chế độ thông tin báo cáo chưa kịp thời, thiếu đồng bộ.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Thủ tướng Chính phủ

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm phân bổ nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 và năm 2026 để các địa phương sớm triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung của Chương trình.

2. Đối với các bộ, ngành Trung ương

Đề nghị các bộ, ngành Trung ương sớm ban hành các Thông tư hướng dẫn các nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Để thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc đạt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 đã đề ra; tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trên các phương diện sau:

1.1. Tiếp tục chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện và rà soát sửa đổi, bổ sung (nếu có) Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm của UBND tỉnh năm 2026 đối với danh mục nhiệm vụ của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

1.2. Chỉ đạo tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và các địa phương để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc thực hiện chính sách dân tộc nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong giai đoạn đầu thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

1.3. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương hoàn thiện cơ sở dữ liệu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; Rà soát các chính sách đặc thù của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện.

1.4. Rà soát lại các cơ quan, đơn vị phân công kết nghĩa ở các thôn, làng trong công tác tuyên truyền, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc theo Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 07/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương, đơn vị với các thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.5. Chỉ đạo các sở, ban ngành, địa phương rà soát, phân loại hộ nghèo đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số; phân tích nguyên nhân nghèo.

1.6. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc do Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao trong thời gian tới.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo các cấp; tăng cường cải cách hành chính, chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2.2. Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần tham mưu UBND tỉnh đề xuất, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương có liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương để việc triển khai Chương trình đạt hiệu quả.

2.3. Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đúng Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

2.4. Phát huy hơn nữa vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc và tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trong thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc.

2.5. Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, chỉ đạo, giám sát giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các địa phương; kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp xã nhằm tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, nắm bắt, xử lý khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình.

2.6. Rà soát, cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định, huy động có hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

2.7. Chỉ đạo các sở ngành có liên quan phối hợp tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh điều chuyển vốn của các nội dung, dự án thành phần còn khó khăn, vướng mắc về cơ chế thực hiện, đối tượng thực hiện không đảm bảo giải ngân kinh phí theo kế hoạch đã phân bổ sang các nội dung, dự án triển khai hiệu quả và điều chuyển vốn từ các đơn vị, địa phương không có khả năng giải ngân sang các đơn vị có nhu cầu để thúc đẩy tiến độ thực hiện và đẩy mạnh giải ngân vốn Chương trình trong 6 tháng cuối năm 2025 đảm bảo theo quy định.

2.8. Các chủ đầu tư được giao thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần của Chương trình, phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước để xử lý hồ sơ thanh toán nhanh chóng, kịp thời.

2.9. Đối với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 chuyển sang năm 2026: Trong thời gian tới, tiếp tục tăng cường chỉ đạo quyết liệt, bám sát tiến độ thực hiện; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Định kỳ hằng tháng, hằng quý tổ chức họp với các chủ đầu tư và đơn vị liên quan để nghe báo cáo tình hình triển khai, kịp thời nắm bắt, xử lý các khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh nguồn vốn phù hợp. Đồng thời chỉ đạo các sở, ngành liên quan tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ giải ngân đối với nguồn vốn kéo dài sang năm 2026 thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trong năm 2026.

2.10. Tăng cường nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; chủ động phát hiện, xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở (nếu có), không để hình thành điểm nóng.

2.11. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác dân tộc; vận động đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng thôn trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.12. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu và một số nhiệm vụ khác khi được cấp trên giao.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4, C5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp

PHỤ LỤC II

**NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Kinh phí thực hiện năm 2026					Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu năm 2026 đến ngày 20/5/2026					Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:				
			Kinh phí kéo dài sang năm 2026 thực hiện		Kinh phí giao năm 2026			Kinh phí kéo dài sang năm 2026 thực hiện		Kinh phí giao năm 2026		
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng cộng	276.380	245.227	13.525	17.627	0	5.896	5.824	72	0	0	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	2.454	2.306	148	0	0	0	0	0	0	0	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	25.567	23.960	1.606	0	0	3,272	3	0	0	0	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu (Duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bàn các thôn, xã thuộc Chương trình)	224.744	198.447	8.670	17.627	0	4.757	4.685	72	0	0	

STT	Tên dự án	Kinh phí thực hiện năm 2026					Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu năm 2026 đến ngày 20/5/2026					Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:				
			Kinh phí kéo dài sang năm 2026 thực hiện		Kinh phí giao năm 2026			Kinh phí kéo dài sang năm 2026 thực hiện		Kinh phí giao năm 2026		
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	13.652	13.063	589	0	0	861	861	0	0	0	
5	Dự án 6: Dự án Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	4.655	2.273	2.383	0	0	0	0	0	0	0	
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	506	462	44	0	0	0	0	0	0	0	
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1.577	1.561	16	0	0	0	0	0	0	0	
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	3.225	3.156	69	0	0	274,2	274	0	0	0	